

ELECTRONIC HEALTH LITERACY AMONG MEDICAL STUDENTS AT DAI NAM UNIVERSITY

Ngo Thi Tam

Dai Nam University - 01 Xom, Phu Lam, Ha Dong, Hanoi, Vietnam

Received 16/02/2023

Revised 21/03/2023; Accepted 20/04/2023

ABSTRACT

Objective: To describe the level of electronic health competence among medical students at Dai Nam University and related factors.

Research Object and Method: The study utilized a descriptive research design. The researchers assessed the electronic health competence of medical students using an eHealth score ranging from 8 to 40. We collected data on students' knowledge of medical resources available on the Internet, ability to find helpful information, familiarity with reliable sources, utilization of the Internet for health information, skills to evaluate online medical information, ability to distinguish the quality of medical information, confidence in using the Internet for health decision-making, and search habits. Statistical analysis was conducted to determine any significant differences among different groups.

Results: The average eHealth score of the study subjects was 28.9 ± 4.8 . The majority of the students agreed or strongly agreed that they knew medical resources available on the Internet (65.5%), knew where to find helpful information (68%), were familiar with useful sources (68.5%), knew how to use the information on the Internet to answer health-related questions (70.9%) and use this information to help themselves (70.9%). However, only 63.5% of students felt they had the necessary skills to evaluate medical information online, and only 8.6% were confident in their ability to distinguish the quality of medical information online. Additionally, 50.8% of students felt satisfied using data from the Internet to make health decisions. Students who frequently searched for medical information for study and research purposes, found leads in scientific journals, through Medline, Pubmed, and reputable medical organizations' websites, and had the habit of reading the information in scientific journals or social networks had significantly higher average electronic health competence scores compared to other groups ($p < 0.05$).

Conclusion: Overall, the electronic health competence of medical students at Dai Nam University is relatively good, with an average eHealth score of 28.9 ± 4.8 . The study identified several factors, including the purpose of internet use, online medical literature search habits, and commonly used health information sources, associated with electronic health competence among medical students.

Keywords: Electronic health literacy, medical students, students, Dai Nam University, DNU.

*Corresponding author

Email address: ngothitam.hmu.@gmail.com

Phone number: (+84) 944 427 342

<https://doi.org/10.52163/yhc.v64i3.663>

NĂNG LỰC SỨC KHỎE ĐIỆN TỬ CỦA SINH VIÊN Y KHOA, TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM

Ngô Thị Tâm

Trường Đại học Đại Nam - 01 P. Xóm, Phú Lâm, Hà Đông, Hà Nội, Việt Nam

Ngày nhận bài: 16 tháng 02 năm 2023

Chỉnh sửa ngày: 21 tháng 03 năm 2023; Ngày duyệt đăng: 20 tháng 04 năm 2023

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả năng lực sức khỏe điện tử ở sinh viên Y khoa trường Đại học Đại Nam và một số yếu tố liên quan.

Đối tượng và phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang đã được thực hiện trên 203 sinh viên Y khoa. Năng lực sức khỏe điện tử của sinh viên được đánh giá bằng cách sử dụng điểm số eHealth. Phân tích thống kê được tiến hành để xác định bất kỳ sự khác biệt đáng kể nào về điểm eHealth giữa các nhóm khác nhau.

Kết quả: Điểm eHealth đánh giá năng lực sức khỏe điện tử của đối tượng nghiên cứu là $28,9 \pm 4,8$ (8 - 40). Đa số sinh viên đồng ý, rất đồng ý rằng họ biết nguồn tin y tế có sẵn trên internet (65,5%), biết nơi có thể tìm những thông tin hữu ích (68%), biết nguồn tin hữu ích (68,5%), biết cách sử dụng thông tin trên internet để trả lời các thông tin sức khỏe (70,9%), sử dụng những thông tin này giúp ích cho bản thân (70,9%). Tỷ lệ sinh viên cho rằng họ có các kỹ năng cần thiết để đánh giá thông tin y tế trên mạng là 63,5%. Tỷ lệ trả lời họ phân biệt được chất lượng các nguồn tin y tế trên mạng là 8,6%. Tỷ lệ sinh viên tự tin có thể dùng thông tin từ Internet để đưa ra các quyết định về sức khỏe là 50,8%. Những sinh viên thường tìm kiếm thông tin y tế cho mục đích học tập, nghiên cứu, tìm thông tin trực tuyến trên các tạp chí khoa học, qua kênh Medline, Pubmed, từ trang chủ các tổ chức y tế uy tín, và có thói quen đọc các thông tin này trên tạp chí khoa học, hoặc mạng xã hội có điểm năng lực sức khỏe điện tử trung bình cao hơn đáng kể so với những nhóm còn lại. Những sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$).

Kết luận: Năng lực sức khỏe điện tử của sinh viên Y khoa trường Đại học Đại Nam ở mức khá với điểm eHealth trung bình là $28,9 \pm 4,8$. Một số yếu tố về mục đích, thói quen tìm kiếm tài liệu y tế trực tuyến và các nguồn thông tin y tế thường được tiếp cận có liên quan tới năng lực sức khỏe điện tử.

Từ khóa: Năng lực sức khỏe điện tử, sinh viên y khoa, sinh viên, Đại học Đại Nam, DNU.

*Tác giả liên hệ

Email: ngothitam.hmu.@gmail.com

Điện thoại: (+84) 944 427 342

<https://doi.org/10.52163/yhc.v64i3.663>



1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Năng lực sức khỏe điện tử được định nghĩa là khả năng tìm kiếm, tìm kiếm, hiểu và đánh giá thông tin y tế cơ bản từ các nguồn trên mạng internet, và áp dụng những kiến thức thu được để giải quyết các vấn đề sức khỏe [1]. Với vai trò là một trong các nguồn tin y tế đáng tin cậy giúp chống lại thông tin sai lệch, thì việc nhân viên y tế biết cách tìm kiếm, đánh giá các nguồn thông tin, đưa ra quyết định hoặc khuyến nghị dựa trên bằng chứng lại càng quan trọng. Có khuyến nghị cho rằng, những kỹ năng này nên được đào tạo cho nhân viên y tế từ trong các chương trình giáo dục đại học cơ bản.

Sinh viên ngành khoa học sức khỏe ngày nay cũng sử dụng Internet như một nguồn chính để tìm kiếm các thông tin y tế. Tuy nhiên, nhiều bằng chứng cho thấy năng lực sức khỏe điện tử rất hạn chế ở sinh viên khối ngành khoa học sức khỏe nói chung [2], và sinh viên y khoa nói riêng. Để cung cấp bằng chứng cho các đề xuất, khuyến nghị cải thiện hoặc bổ sung các nội dung đào tạo nâng cao năng lực đối với sinh viên Y khoa, chúng tôi thực hiện nghiên cứu này nhằm trả lời cho câu hỏi, vậy thực trạng năng lực sức khỏe điện tử của sinh viên Y khoa trường Đại học Đại Nam hiện nay như thế nào? Và, những yếu tố nào liên quan tới năng lực sức khỏe điện tử của họ.

Mục tiêu nghiên cứu:

Mô tả năng lực sức khỏe điện tử ở sinh viên Y khoa trường Đại học Đại Nam và một số yếu tố liên quan.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thiết kế nghiên cứu: Mô tả cắt ngang có phân tích

2.2. Địa điểm và thời gian nghiên cứu: Từ tháng 10 năm 2022 tới tháng 4 năm 2023

2.3. Đối tượng nghiên cứu: Là sinh viên Y khoa, đang theo học tại Khoa Y, trường Đại học Đại Nam trong năm học 2022 - 2023

2.4. Cơ mẫu, chọn mẫu: Nghiên cứu áp dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện, cỡ mẫu toàn bộ. Có 203/216 sinh viên Khoa Y, trường Đại học Đại Nam tham gia vào nghiên cứu.

2.5. Biến số: Nghiên cứu khảo sát năng lực sức khỏe điện tử được đo bằng thang điểm eHealth 8 mục (năng lực sức khỏe điện tử), đã được kiểm định và sử dụng tại Việt Nam [3]. Tổng điểm đạt được là từ 8 đến 40, với điểm năng lực sức khỏe điện tử cao hơn cho thấy năng lực sức khỏe điện tử tốt hơn. Các yếu tố liên quan được tìm hiểu bao gồm thông tin nhân khẩu học, thông tin liên quan tới học tập, thói quen tìm kiếm tài liệu y khoa và đánh giá của sinh viên về tầm quan trọng của Internet trong việc tìm kiếm thông tin y tế.

2.6. Kỹ thuật thu thập số liệu: Bộ câu hỏi được thiết kế và thu thập trên Google form. Sau khi thiết kế phiếu khảo sát trên Google biểu mẫu, thực hiện phỏng vấn thử trên 3-5 đối tượng để chuẩn hóa bộ công cụ. Bộ công cụ hoàn thiện được xuất link và mã QR gửi tới sinh viên Y khoa các lớp.

2.7. Xử lý và phân tích số liệu: Các thống kê mô tả và thống kê phân tích được sử dụng.

Thống kê mô tả mô tả tỷ lệ, tần suất của biến định tính và trung bình, độ lệch chuẩn, giá trị lớn nhất, nhỏ nhất của biến định tính. Thống kê phân tích sử dụng kiểm định Mann-Whitney test, anova/ wicolson để so sánh sự khác biệt giữa các giá trị trung bình. Mô hình hồi quy Tobit đa biến rút gọn được áp dụng với biến phụ thuộc là điểm năng lực điện tử và các biến độc lập như tuổi, giới, nơi sống. Các biến có $p < 0,2$ được đưa vào mô hình đa biến.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 3.1. Năng lực sức khỏe điện tử

	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Không rõ	Đồng ý	Rất đồng ý
Bạn biết những tài nguyên, nguồn thông tin y tế nào có sẵn trên Internet	5 (2,5)	5 (2,5)	60 (29,6)	122 (60,1)	11 (5,4)
Bạn biết nơi để tìm các nguồn tài nguyên y tế hữu ích trên Internet	5 (2,5)	3 (1,5)	57 (28,1)	126 (62,1)	12 (5,9)
Bạn biết những nguồn thông tin y tế hữu ích trên Internet	6 (3,0)	4 (2,0)	54 (26,6)	128 (63,1)	11 (5,4)
Bạn biết sử dụng Internet để trả lời các câu hỏi về sức khỏe	7 (3,5)	4 (2,0)	48 (23,7)	132 (65,0)	12 (5,9)
Bạn biết cách sử dụng thông tin y tế tôi tìm thấy trên Internet để giúp ích cho tôi	5 (2,5)	6 (3,0)	48 (23,7)	135 (66,5)	9 (4,4)
Tôi có các kỹ năng cần thiết để đánh giá các nguồn thông tin y tế mà tôi tìm thấy trên Internet	5 (2,5)	5 (2,5)	64 (31,5)	120 (59,1)	9 (4,4)
Bạn có thể phân biệt các nguồn thông tin y tế chất lượng cao với các nguồn y tế chất lượng thấp trên Internet	3 (1,5)	7 (3,5)	74 (36,5)	109 (53,7)	10 (4,9)
Bạn cảm thấy tự tin khi sử dụng thông tin từ Internet để đưa ra các quyết định về sức khỏe	6 (3,0)	13 (6,4)	81 (39,9)	96 (47,3)	7 (3,5)
	Điểm eHealth trung bình				
Năng lực sức khỏe điện tử	28,9 ± 4,8 (8 - 40)				

Điểm eHealth đánh giá năng lực sức khỏe điện tử của đối tượng nghiên cứu là 28,9 ± 4,8 (8 - 40). Đa số sinh viên đồng ý, rất đồng ý rằng họ biết nguồn tin y tế có sẵn trên internet (65,5%), biết nơi có thể tìm những thông tin hữu ích (68%), biết nguồn tin hữu ích (68,5%), biết cách sử dụng thông tin trên internet để trả lời các thông tin sức khỏe (70,9%), sử dụng những thông tin này giúp ích cho bản thân (70,9%). Tỷ lệ sinh viên cho rằng họ

có các kỹ năng cần thiết để đánh giá thông tin y tế trên mạng là 63,5%. Tỷ lệ trả lời họ phân biệt được chất lượng các nguồn tin y tế trên mạng là 8,6%. Tỷ lệ sinh viên tự tin có thể dùng thông tin từ Internet để đưa ra các quyết định về sức khỏe là 50,8%.

3.3. Một số yếu tố liên quan tới năng lực sức khỏe điện tử của sinh viên Y

Bảng 3.2. Mối liên quan giữa năng lực sức khỏe điện tử theo công cụ tìm kiếm online sử dụng

Yếu tố	Năng lực sức khỏe điện tử				P
	Trung bình	sd	Nhỏ nhất	Lớn nhất	
Mục đích tìm kiếm thông tin y tế cho học tập, nghiên cứu					
Không	26,4	5,5	9	32	<0,01
Có	29,4	4,3	8	40	
Tìm thông tin y tế trực tuyến từ các tạp chí khoa học					
Không	28,4	4,3	9	40	<0,01
Có	29,9	4,8	8	40	

Yếu tố	Năng lực sức khỏe điện tử				P
	Trung bình	sd	Nhỏ nhất	Lớn nhất	
Tìm thông tin y tế trực tuyến từ Medline, pubmed					
Không	28,2	4,9	8	40	0,01
Có	29,9	4,0	17	40	
Tìm thông tin y tế trực tuyến từ trang chủ các tổ chức y tế					
Không	27,7	4,9	9	36	<0,01
Có	29,6	4,3	8	40	
Thường đọc thông tin y tế trên các tạp chí khoa học					
Không	28,3	4,4	8	37	0,01
Có	29,6	5,1	8	40	
Thường đọc thông tin y tế trên mạng xã hội					
Không	26,1	6,4	8	36	<0,01
Có	29,6	4,0	8	40	

Những sinh viên thường tìm kiếm thông tin y tế cho mục đích học tập, nghiên cứu, tìm thông tin trực tuyến trên các tạp chí khoa học, qua kênh Medline, Pubmed, từ trang chủ các tổ chức y tế uy tín, và có thói quen đọc các thông tin này trên tạp chí khoa học, hoặc mạng xã hội có điểm năng lực sức khỏe điện tử trung bình cao hơn đáng kể so với những nhóm còn lại. Những sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$).

Bảng 3.3. Mối liên quan giữa năng lực sức khỏe điện tử theo trải nghiệm tìm kiếm thông tin y tế

	Năng lực sức khỏe điện tử				P
	Trung bình	sd	Nhỏ nhất	Lớn nhất	
Mức độ hữu ích của Internet trong việc đưa ra quyết định về sức khỏe					
Hoàn toàn không hữu ích	19,8	10,7	8	32	<0,01
Không hữu ích	27,8	3,5	22	31	
Không chắc	27,4	4,6	8	36	
Hữu ích	29,9	3,0	22	35	
Rất hữu ích	32,2	7,9	9	40	
Tầm quan trọng của truy cập nguồn tin y tế trên internet					
Hoàn toàn không quan trọng	22,6	10,5	8	35	<0,01
Không quan trọng	22,5	5,8	17	31	
Không chắc	26,7	3,1	22	32	
Quan trọng	29,9	3,5	8	36	
Rất quan trọng	31,2	5,9	9	40	

Các đánh giá của sinh viên về mức độ hữu ích của internet để đưa ra quyết định sức khỏe và tầm quan trọng của việc truy cập được các nguồn tin y tế tỷ lệ

thuận với điểm năng lực sức khỏe trung bình của họ. Những sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với $p < 0,01$.

Bảng 3.4. Hồi quy đa biến các yếu tố liên quan tới năng lực sức khỏe điện tử của sinh viên y khoa

Yếu tố liên quan	Năng lực sức khỏe điện tử			
	Coef	p	95%CI	
Giới (Nữ so với nam)	-0,9	0,11	-2,0	0,2
Thời gian tự học (phút)	0,0	0,12	0,0	0,0
Nơi sinh (Thành thị so với nông thôn)	0,8	0,12	-0,2	1,9
Tìm thông tin y tế trực tuyến (Có với không)	-1,8	0,12	-4,1	0,5
Tìm kiếm thông tin y tế bằng Wiki (Có so với không)	1,1	0,06	0,0	2,2
Tìm kiếm thông tin y tế bằng Medline/ Pubmed (Có so với không)	1,5	<0,01	0,4	2,6
Thường đọc thông tin y tế trên mạng xã hội (Có so với không)	2,2	<0,01	0,8	3,6
Mức độ quan trọng của truy cập nguồn tin Internet (so với hoàn toàn không quan trọng)				
Không chắc	4,5	<0,01	2,2	6,9
Quan trọng	7,5	<0,01	5,4	9,7
Rất quan trọng	8,1	<0,01	5,4	10,7

Mô hình hồi quy Tobit đa biến cho thấy năng lực sức khỏe điện tử của đối tượng nghiên cứu có liên quan tới thói quen tìm kiếm thông tin trên Medline/pubmed, đọc thông tin y tế trên mạng xã hội và trải nghiệm cho rằng việc truy cập được các nguồn thông tin y tế trên internet là quan trọng.

4. BÀN LUẬN VÀ KẾT LUẬN

Năng lực sức khỏe điện tử của sinh viên Y khoa trường Đại học Đại Nam ở mức khá với điểm eHealth trung bình là $28,9 \pm 4,8$. Một số yếu tố về mục đích, thói quen tìm kiếm tài liệu y tế trực tuyến và các nguồn thông tin y tế thường được tiếp cận có liên quan tới năng lực sức khỏe điện tử.

Năng lực sức khỏe điện tử của sinh viên Y khoa

Đa số sinh viên đồng ý, rất đồng ý rằng họ biết nguồn tin y tế có sẵn trên internet (65,5%), biết nơi có thể tìm những thông tin hữu ích (68%), biết nguồn tin hữu ích (68,5%), biết cách sử dụng thông tin trên internet để trả lời các thông tin sức khỏe (70,9%), sử dụng những

thông tin này giúp ích cho bản thân (70,9%). Tỷ lệ sinh viên cho rằng họ có các kỹ năng cần thiết để đánh giá thông tin y tế trên mạng là 63,5%. Tỷ lệ trả lời họ phân biệt được chất lượng các nguồn tin y tế trên mạng là 8,6%. Tỷ lệ sinh viên tự tin có thể dùng thông tin từ Internet để đưa ra các quyết định về sức khỏe là 50,8%. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy điểm eHealth trung bình đánh giá năng lực sức khỏe điện tử của đối tượng nghiên cứu là $28,9 \pm 28,9$ (8 - 40). Kết quả này cao hơn so với nhiều nghiên cứu trước đây trên thế giới [4], ở Mashhad năm 2016 là $28,21 \pm 6,95$ [5], ở Iran năm 2017 là $26,11 \pm 6,6$, ở Nhật năm 2020 là $24,52 \pm 5,20$ [6], và nghiên cứu ở Đại học Y dược Huế năm là $27,03 \pm 3,54$ [7]. Tuy nhiên kết quả này vẫn thấp hơn so với điểm eHealth trung bình trong một báo cáo tại Hy Lạp năm 2022 là 31,5 điểm [8], ở sinh viên Y khoa Đại học Y Hà Nội năm 2021 là $31,19 \pm 8,34$ điểm [9]. Có bằng chứng cho rằng, việc tìm kiếm thông tin y tế trên Internet (thông tin sức khỏe điện tử) đã được sử dụng thường xuyên hơn trong đại dịch Covid-19 [10]. Rõ ràng, những nghiên cứu có điểm năng lực sức khỏe điện tử eHealth trung bình thấp hơn bên trên đều được thực hiện trước thời gian đại dịch Covid-19. Nếu chỉ



so với các nghiên cứu sau đại dịch, năng lực sức khỏe điện tử của sinh viên Y khoa Đại học Đại Nam thấp hơn đáng kể. Tuy nhiên, việc tự đánh giá năng lực dựa trên bộ câu hỏi tự điền có nhược điểm là khó phản ánh đúng kiến thức và kỹ năng thực tế, mà chủ yếu dựa trên niềm tin và hiểu biết của đối tượng. Do vậy, bên cạnh việc cung cấp các hoạt động giáo dục và ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực sức khỏe điện tử cho sinh viên, có thể triển khai thêm các nghiên cứu đánh giá năng lực dựa trên thực hành.

Một số yếu tố liên quan tới năng lực sức khỏe điện tử của sinh viên Y

Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, những sinh viên thường tìm kiếm thông tin y tế cho mục đích học tập, nghiên cứu, tìm thông tin trực tuyến trên các tạp chí khoa học, qua kênh Medline, Pubmed, từ trang chủ các tổ chức y tế uy tín, và có thói quen đọc các thông tin này trên tạp chí khoa học có điểm năng lực sức khỏe điện tử trung bình cao hơn có ý nghĩa thống kê so với những nhóm còn lại. Rõ ràng, những người tìm kiếm thông tin cho mục đích y học thuật sẽ nghiêm túc hơn trong việc tìm hiểu những nguồn thông tin nào là có sẵn, và đáng tin cậy. Những người có thói quen tìm kiếm thông tin bằng những công cụ chuyên dụng hoặc trực tiếp tìm trong các nguồn tin uy tín kể trên cũng có thể có điểm eHealth cao hơn, do bản chất, thang đo này dựa trên việc biết tới nguồn tin có sẵn, nguồn tin hữu ích và đáng tin cậy cũng như khả năng phân biệt chất lượng của thông tin. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu cho thấy những người thường đọc thông tin y tế trên mạng xã hội cũng có điểm năng lực sức khỏe điện tử trung bình cao hơn đáng kể so với những người khác. Việc thường xuyên đọc các thông tin y tế trên các mạng xã hội, nơi mà tài nguyên thông tin vô cùng phong phú gồm cả tin chính thống và giả mạo, có thể giúp sinh viên biết rõ các nơi có thông tin, dễ dàng tìm được các kiến thức họ quan tâm. Xa hơn nữa, họ cũng có thể tự rèn luyện được các kỹ năng tốt để tìm kiếm, phân biệt, đánh giá chất lượng thông tin, từ đó tự tin hơn trong việc sử dụng những thông tin tìm được.

Những sinh viên cho rằng Internet hữu ích trong việc đưa ra quyết định về sức khỏe và/ hoặc truy cập được các nguồn tin y tế online là quan trọng cũng có điểm năng lực sức khỏe trung bình cao hơn so với người đánh giá ít hữu ích/ quan trọng hơn. Kết quả này cũng hợp lý do những người có nhu cầu sử dụng, biết cách sử dụng và ứng dụng thông tin sức khỏe điện tử sẽ nhận thức được

tầm quan trọng của việc tìm kiếm và khai thác nguồn lực này. Ngược lại, những người cảm thấy thông tin sức khỏe điện tử ít hữu ích và quan trọng thường là những người chưa biết cách và ít tiếp cận, trải nghiệm với các thông tin y tế chính thống, cập nhật trên Internet.

Hạn chế nghiên cứu

Nghiên cứu này là một trong rất ít nghiên cứu đã cung cấp những thông tin đầu tiên về đánh giá năng lực sức khỏe điện tử của sinh viên Y khoa một trường Đại học hệ dân lập tại Việt Nam. Tuy vậy, nghiên cứu vẫn có một số hạn chế. Thứ nhất, nghiên cứu chỉ thực hiện trên sinh viên Y khoa trường Đại học Đại Nam, chưa đủ tính đại diện cho sinh viên Y khoa khối trường đại học dân lập hay sinh viên Y khoa tại Việt Nam. Thứ hai, việc đánh giá năng lực qua bộ câu hỏi tự trả lời có thể không thể hiện được năng lực thực sự, mà mô tả năng lực dựa trên niềm tin của họ. Cuối cùng, hạn chế của thiết kế mô tả cắt ngang trong nghiên cứu này làm giới hạn khả năng kết luận về mối quan hệ nhân quả của các yếu tố liên quan được tìm thấy.

KẾT LUẬN

Năng lực sức khỏe điện tử của sinh viên Y khoa trường Đại học Đại Nam ở mức khá với điểm eHealth trung bình là $28,9 \pm 4,8$. Một số yếu tố về mục đích, thói quen tìm kiếm tài liệu y tế trực tuyến và các nguồn thông tin y tế thường được tiếp cận có liên quan tới năng lực sức khỏe điện tử.

LỜI CẢM ƠN

Kết quả nghiên cứu này là sản phẩm từ đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường năm học 2022 -2023 mã số T2223-03 của trường Đại học Đại Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] C. D. Norman and H. A. Skinner, eHealth Literacy: Essential Skills for Consumer Health in a Networked World. *J Med Internet Res*, 2006, 8(2): e9.
- [2] Ahmad Tubaisat and Laila Habiballah, eHealth literacy among undergraduate nursing students. *Nurse Education Today*, 2016, 42(47-52).
- [3] B. N. Do, T. V. Tran, D. T. Phan et al., Health

- Literacy, eHealth Literacy, Adherence to Infection Prevention and Control Procedures, Lifestyle Changes, and Suspected COVID-19 Symptoms Among Health Care Workers During Lockdown: Online Survey. *J Med Internet Res*, 2020, 22(11): e22894.
- [4] L. Salehi and L. Keikavoosi-Arani, Investigation E-health literacy and correlates factors among Alborz medical sciences students: a cross sectional study. *Int J Adolesc Med Health*, 2020, 33(6): 409-414.
- [5] S. Dashti, N. Peyman, M. Tajfard et al., E-Health literacy of medical and health sciences university students in Mashhad, Iran in 2016: a pilot study. *Electron Physician*, 2017, 9(3): 3966-3973.
- [6] Junichi Tanaka, Hiromi Kuroda, Nana Igawa et al., Perceived eHealth Literacy and Learning Experiences Among Japanese Undergraduate Nursing Students: A Cross-sectional Study. *CIN: Computers, Informatics, Nursing*, 2020, 38(4):
- [7] Lan Hoang Nguyen and Thuy Bich Thi Le, E-Health Literacy of Medical Students at a University in Central Vietnam. 2020,
- [8] T. Trantali, C. Athanasopoulou, A. Lagiou et al., eHealth Literacy Among Health Sciences Students in Greece. *Stud Health Technol Inform*, 2022, 289(252-255).
- [9] Đào Văn Phương, Phạm Thị Diệu Linh, Trần Thảo Linh và cộng sự, Thói quen tìm kiếm thông tin Covid - 19 qua internet của sinh viên năm nhất Trường Đại học Y Hà Nội, *Tạp chí Nghiên cứu Y học*, 2021, 145(9): 260-268.
- [10] J. I. Yagiz and G. Goderis, The Impact of the COVID-19 Pandemic on eHealth Use in the Daily Practice and Life of Dutch-Speaking General Practitioners in Belgium: Qualitative Study With Semistructured Interviews. *JMIR Form Res*, 2022, 6(11): e41847.

